6. Hoạt động ứng dụng *(1p)* **7. Hoạt động sáng tạo** *(1p)*	- Viết lại các từ đã viết sai - Lấy thêm ví dụ phân biệt thanh hỏi, thanh ngã

ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG

.....

.....

.....

.....

TOÁN

Tiết 167: ÔN TẬP VỀ HÌNH HỌC

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức

- Ôn tập kiến thức về một số hình đã học

2. Kĩ năng

- Nhận biết được hai đường thẳng song song, hai đường thẳng vuông góc.
- Tính được diện tích hình vuông, hình chữ nhật.

3. Thái độ

- HS có thái độ học tập tích cực.

4. Góp phần phát triển năng lực:

- Năng lực tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL tư duy - lập luận logic.

* Bài tập cần làm: Bài 1, bài 3, bài 4. Khuyến khích HSNK hoàn thành tất cả BT

II. CHUẨN BỊ:

1. Đồ dùng

- GV: Bảng phụ
- HS: Sách, bút

2. Phương pháp, kĩ thuật

- Phương pháp vấn đáp, động não, thực hành, đặt và giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm, trò chơi học tập
- Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC;

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: *(2p)* - GV giới thiệu bài – Ghi tên bài	- TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ
2. HĐ thực hành (35p) *** Mục tiêu**: - Nhận biết được hai đường thẳng song song, hai đường thẳng vuông góc. - Tính được diện tích hình vuông, hình chữ nhật.	

*** Cách tiến hành:**

Bài 1:	**Cá nhân – Lớp**
- Gọi HS nêu yêu cầu của bài, nêu tên hình	+ Hình tứ giác ABCD <u>Đáp án:</u> a) Các cặp cạnh song son với nhau: AB và DC b) Các cặp cạnh vuông góc với nhau: AB và AD, AD và DC.
- Cho các em chia sẻ với cả lớp về cách xác định các đường thẳng song song và vuông góc.	+ Dùng ê –ke kiểm tra
- Nhận xét, khen ngợi/ động viên.	
Bài 3:	**Cá nhân – Lớp**
- Gọi 1 HS đọc và xác định đề bài trước lớp.	
+ Muốn điền được Đ hay S, chúng ta phải làm gì?	*+ Cần tính chu vi và diện tích của mỗi hình sau đó so sán* Chu vi hình chữ nhật là: (4 + 3) x 2 = 14 (cm) Diện tích hình chữ nhật là: 4 x 3 = 12 (cm) Chu vi hình vuông là: 3 x 4 = 12 (cm) Diện tích hình vuông là : 3 x 3 = 9(cm)
- YC HS giơ thẻ Đ, S với mỗi phương án và giải thích cách làm.	→a. Sai; b. Sai; c. Sai; d. Đúng
- Nhận xét, chốt đáp án đúng.	
- Củng cố cách tính chu vi, diện tích hình chữ nhật, hình vuông.	
Bài 4:	**Nhóm 2 – Lớp**
- Gọi 1 HS đọc và xác định đề bài trước lớp.	
+ Để tính được số viên gạch cần lát nền phòng học chúng ta phải biết được những gì?	*- Chúng ta phải biết được:* *+ Diện tích của phòng học* *+ Diện tích của một viên gạch lát nền* *+ Sau đó chia diện tích phòng học cho diện tích 1 viên gạch*
- Nhận xét, chốt đáp án đúng.	***Bài giải*** Diện tích của một viên gạch là: 20 x 20 = 400 (cm^2) Diện tích của lớp học là : 5 x 8 = 40 (m^2) = 400 000 cm^2

* Lưu ý: Giúp đỡ hs M1+M2 giải được bài toán có lời văn ***Bài 2 (bài tập chờ dành cho HS hoàn thành sớm)*** * Lưu ý: Giúp đỡ hs M1+M2 giải toán có lời văn **3. Hoạt động ứng dụng** ***(1p)*** **4. Hoạt động sáng tạo** ***(1p)***	Số viên gạch cần để lát nền lớp học là: 400 000 : 400 = 1000 (viên) Đáp số : 1000 viên gạch - HS làm vào vở Tự học – Chia sẻ lớp Bài giải - HS tự vẽ hình Chu vi hình vuông là: 3 x 4 = 12 (cm) Diện tích hình vuông là: 3 x 3 = 9 (cm^2) Đáp số: 12 cm/ 9cm^2 - Chữa lại các phần bài tập làm sai - Tìm các bài tập cùng dạng trong sách buổi 2 và giải

ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG

.....

.....

.....

.....

LỊCH SỬ (VNEN)

PKT: CHÚNG EM HỌC ĐƯỢC GÌ QUA PHẦN LỊCH SỬ LỚP 4?

.....

.....

.....

.....

LỊCH SỬ (CT HIỆN HÀNH)

ÔN TẬP HỌC KÌ II

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Hệ thống đươc quá trình phát triển của lịch sử nước ta từ buổi đầu dựng nước đến giữa thế kỉ XIX.

2. Kĩ năng

- Nhớ được các sự kiện, hiện tượng, nhân vật lịch sử tiêu biểu trong quá trình dựng nước và giữ nước của dân tộc ta từ thời Hùng Vương đến buổi đầu thời Nguyễn.

3. Thái độ

-Tự hào về truyền thống dựng nước và giữ nước của dân tộc

4. Góp phần phát triển các năng lực

- NL ngôn ngữ, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo.

II. CHUẨN BỊ:

1. Đồ dùng

- GV: Phiếu bài tập của HS.
- HS: SGK, bút

2. Phương pháp, kĩ thuật

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm, đóng vai, luyện tập-thực hành
- KT: Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1.Khởi động: *(4p)* - GV nhận xét chung, dẫn vào bài mới	- TBVN điều hành lớp hát, văn nghệ tại chỗ
2. Bài mới: *(30p)* *** Mục tiêu:** Hệ thống đươc quá trình phát triển của lịch sử nước ta từ buổi đầu dựng nước đến giữa thế kỉ XIX. Nhớ được các sự kiện, hiện tượng, nhân vật lịch sử tiêu biểu trong quá trình dựng nước và giữ nước của dân tộc ta từ thời Hùng Vương đến buổi đầu thời Nguyễn.	
HĐ1:Thống kê lịch sử.*:** - GV treo bảng có sẵn nội dung thống kê lịch sử đã học (nhưng che phần nội dung). - GV lần lượt đặt câu hỏi để HS nêu các nội dung trong bảng thống kê. VD: *+ Giai đoạn đầu tiên chúng ta được học trong lịch sử nước nhà là giai đoạn nào?* *+ Giai đoạn này bắt đầu từ bao giờ và kéo dài đến khi nào?* *+ Giai đoạn này triều đại nào trị vì đất nước ta?* *+ Nội dung cơ bản của giai đoạn lịch sử này là gì?* - GV cho HS tiếp nối nhau phát biểu ý kiến, đến khi đúng và đủ ý thì mở bảng thống kê chuẩn bị, cho HS đọc lại nội dung chính về giai đoạn lịch sử trên. - GV tiến hành tương tự với các giai đoạn khác. ***HĐ2: Thi kể chuyện lịch sử: - GV yêu cầu HS tiếp nối nhau nêu tên các nhân vật lịch sử tiêu biểu từ buổi đầu dựng nước đến giữa thế kỷ X I X .	**Cá nhân – Lớp** - HS lắng nghe câu hỏi, trả lời *+ Buổi đầu dựng nước và giữ nước.* *+ Bắt đầu từ khoảng 700 năm TCN đến năm 179 TCN.* *+ Các vua Hùng, sau đó là An Dương Vương.* *+ Hình thành đất nước với phong tục tập quán riêng.* *+ Nền văn minh sông Hồng ra đời.* - HS nêu lại nội dung chính về giai đoạn lịch sử trên.

- GV tổ chức cho HS thi kể về các nhân vật tiêu biểu . - GV tổng kết cuộc thi, tuyên dương HS kể tốt, kể hay. GV yêu cầu HS tìm hiểu về các di tích lịch sử liên quan đến các nhân vật. (*Từ buổi đầu dựng nước và giữ nước . . . đến buổi đầu thời Nguyễn.)* - GV theo dõi HS làm, nhận xét, hoàn thiện bảng thống kê bên. - GV treo bảng phụ, HS nêu lại. **3. HĐ ứng dụng** (1p) **4. HĐ sáng tạo** (1p)	- HS tiếp nối nhay phát biểu ý kiến, mỗi HS chỉ nêu tên một nhân vật: Hùng Vương, An Dương Vương. . . - HS xung phát kể, sau đó HS lớp bình chọn bạn kể hay nhất. - Ghi nhớ KT của bài - hệ thống lại chương trình lịch sử

Giai đoạn lịch sử	Thời gian	Triều đại trị vì-Tên nước -Kinh đô	Nội dung cơ bản của lịch sử nhân vật lịch sử tiêu biểu
Buổi đầu dựng nước và giữ nước.	*Khoảng 700 năm TCN đến năm 179 TCN*	*- Các vua Hùng, nước Văn Lang đóng đô ở Phong Châu.* *- An Dương Vương, nước Âu Lạc, đóng đô ở Cổ Loa.*	*- Hình thành đất nước với phong tục, tập quán riêng.* *- Đạt được nhiều thành tựu như đúc đồng (trống đồng), xây thành Cổ Loa.*
Hơn một nghìn năm đấu tranh giành độc lập.	*Từ năm 179 TCN đến năm 938*	*- Các triều đại Trung Quốc thay nhau thống trị nước ta.*	*Hơn 1000 năm nhân dân ta anh dũng đấu tranh.* *- Có nhiều nhân vật và cuộc khởi nghĩa tiêu biểu: Như Hai Bà Trưng, Bà Triệu, Lý Bôn. . .* *- Với chiến thắng Bạch Đằng 938, NQ giành lại độc lập cho đất nước ta.*
Buổi đầu độc lập.	*Từ 938 đến 1009*	*- Nhà Ngô, đóng đô ở Cổ Loa.* *- Nhà Đinh, nước Đại Cồ Việt, đóng đô ở Hoa Lư.* *- Nhà Tiền Lê, nước Đại Cồ Việt, kinh đô Hoa Lư.*	*- Sau ngày độc lập, nhà nước đầu tiên đã được xây dựng.* *- Khi Ngô Quyền mất, đất nước lâm vào thời kỳ loạn 12 sứ quân. Đinh Bộ Lĩnh là người dẹp loạn thống nhất đất nước.* *- Đinh Bộ Lĩnh mất, quân Tống kéo sang xâm lược nước ta, Lê Hoàn lên ngôi lãnh đạo nhân dân đánh tan quân xâm lược Tống.*
Nước Đại Việt thời Lý	*1009 đến 1226*	*Nhà Lý, nước Đại Việt, kinh đô Thăng Long*	*- Xây dựng đất nước thịnh vượng về nhiều mặt: kinh tế, văn hoá, giáo dục, cuối triều đại vua quan ăn chơi xa xỉ nên suy vong.* *- Đánh tan quân xâm lược nhà Tống lần thứ hai.* *- Nhân vật lịch sử tiêu biểu: Lý Công Uốn, Lý Thường Kiệt. . .*
Nước Đại Việt	*1226-1400*	*Triều Trần, nước Đại Việt, kinh đô*	*- Tiếp tục xây dựng đất nước, đặc biệt chú trọng đến đắp đê, phát triển nông nghiệp.*

thời Trần		*Thăng Long*	*- Đánh bại cuộc xâm lược của giặc Mông Nguyên.* *- Các nhân vật lịch sử tiêu biểu: Trần Hưng Đạo, Trần Quốc Toản. . .*
Nước Đại Việt buổi đầu thời Hậu Lê	*Thế kỷ XV*	*- Nhà Hồ, nước Đại Ngu, kinh đô Tây Đô.* *- Nhà Hậu Lê, nước Đại Việt, kinh đô Thăng Long.*	*- 20 năm chống giặc Minh, giải phóng đất nước (1407- 1428).* *- Tiếp tục xây dựng đất nước, đạt được đỉnh cao trong mọi lĩnh vực ở thời Lê Thánh Tông.* *- Các nhân vật lịch sử tiêu biểu: Lê Lợi, Nguyễn Trãi, Lê Thánh Tông. . .*
Nước Đại Việt thế kỷ XVI-XVIII.	*Thế kỷ XVI-XVIII*	*- Triều Lê suy vong.* *- Triều Mạc.* *- Trịnh - Nguyễn*	*- Các thế lực phong kiến tranh nhau quyền lợi, nhà Lê suy vong, đất nước loạn lạc bởi nội chiến, kết quả chia cắt thành Đàng Trong và Đàng Ngoài, hơn 200 năm .* *- Cuộc khai hoang phát triển mạnh ở Đàng Trong.* *- Thành thị phát triển.* *- Nghĩa quân Tây Sơn đánh đổ chính quyền họ Nguyễn, họ Trịnh.*
		- Triều Tây Sơn	*- Nguyễn Huệ lên ngôi Hoàng đế,lãnh đạo nhân dân đánh tan giặc Thanh.* *- Bước đầu xay dựng đất nước.* *- Các nhân vật lịch sử tiêu biểu: Quang Trung*
Buổi đầu thời Nguyễn	*1802-1858*	*Triều Nguyễn, nước Đại Việt, kinh đô Huế.*	*- Họ Nguyễn thi hành nhiều chính sách để thâu tóm quyền lực.* *- Xây dựng kinh thành Huế.*

ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG

.....

.....

.....

Thứ tư ngày 23 tháng 4 năm 2019

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

MỞ RỘNG VỐN TỪ: LẠC QUAN – YÊU ĐỜI

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức

- Biết thêm một số từ phức chứa tiếng ***vui*** và phân loại chúng theo 4 nhóm nghĩa (BT1);

2**. Kĩ năng**

- Biết đặt câu vối từ ngữ nói về chủ điểm lạc quan, yêu đời (BT2, BT3).

3. Thái độ

- Có ý thức tham gia tích cực các HĐ học tập

4. Góp phần phát triển các năng lực

- NL tự học, NL ngôn ngữ, NL sáng tạo, NL giao tiếp.

II. CHUẨN BỊ:

1. Đồ dùng

- GV: Bảng phụ
- HS: Vở BT, bút dạ

2. Phương pháp, kĩ thuật

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm, luyện tập - thực hành,...
- KT: động não, đặt câu hỏi, chia sẻ nhóm 2, trình bày 1 phút

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:

<table>
<tr><th>Hoạt động của giáo viên</th><th>Hoạt động của HS</th></tr>
<tr><td>1. Khởi động (2p)

- GV giới thiệu - Dẫn vào bài mới</td><td>- TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ</td></tr>
<tr><td colspan="2">2. HĐ thực hành (35p)
* Mục tiêu:
- Biết thêm một số từ phức chứa tiếng vui và phân loại chúng theo 4 nhóm nghĩa (BT1).
- Biết đặt câu vối từ ngữ nói về chủ điểm lạc quan, yêu đời (BT2, BT3).
* Cách tiến hành</td></tr>
<tr><td>Bài 1:
- Gọi HS đọc yêu cầu nội dung bài.
+ Trong các từ đã cho có những từ nào em chưa hiểu nghĩa?
- GV gọi HS hoặc GV giải thích nghĩa của các từ đó.

+ Từ chỉ hoạt động trả lời câu hỏi gì?
+ Từ chỉ cảm giác trả lời cho câu hỏi gì?
+ Từ chỉ tính tình trả lời cho câu hỏi gì?</td><td>Nhóm 2 - Chia sẻ lớp

+ HS nêu những từ mình chưa hiểu nghĩa GV giải thích. VD:

<table><tr><th>Từ</th><th>Nghĩa</th></tr><tr><td>Vui chơi</td><td>Hoạt động giải trí</td></tr><tr><td>Vui lòng</td><td>Vui vẻ trong lòng</td></tr><tr><td>Vui sướng</td><td>Vui vẻ và sung sướng</td></tr><tr><td>Vui tính</td><td>Người có tình tình luôn vui vẻ</td></tr><tr><td>Vui tươi</td><td>Vui vẻ, phấn khởi.</td></tr><tr><td>Vui vui. . .</td><td>Có tâm trạng thích thú. . .</td></tr></table>
+ Câu hỏi: làm gì?
+ cảm thấy thế nào

+ là người thế nào?</td></tr>
</table>

+ Có những từ vừa chỉ cảm giác, vừa chỉ tính tình có thể trả lời đồng thời câu hỏi gì? - GV nghe, nhận xét, kết luận lời giải đúng. *** Bài 2:** - GV theo dõi, nhận xét, khen/ động viên. *** Bài 3:** - Nhận xét, bổ sung, kết luận các từ đúng. - GV gọi vài HS đặt câu với các từ vừa tìm được. - GV sửa lỗi dùng từ, diễn đạt cho từng HS. **3. HĐ ứng dụng** *(1p)* **4. HĐ sáng tạo** *(1p)*	*+ cảm thấy thế nào và là người thế nào?* <u>Đáp án:</u> a- Từ chỉ hoạt động: *vui chơi, giúp vui, mua vui. . .* b- Từ chỉ cảm giác: *vui lòng, vui mừng, vui sướng, vui thích, vui thú, vui vui.* c- Từ chỉ tính tình: *vui nhộn, vui tính, vui tươi.* d- Từ vừa chỉ tính tình vừa chỉ cảm giác: *vui vẻ.* **Cá nhân – Lớp** - HS nối tiếp nói câu rồi viết câu VD: *Bạn Quang lớp em rất vui tính.* *Em vui sướng vì cuối tuần được đi chơi.* **Nhóm 4 – Lớp** <u>Đáp án</u>: cười *ha hả, cười hì hì, cười khúc khích, cười rúc rích, cười hinh hích, cười hi hí, sằng sặc, cười sặc sụa, cười khành khạch, cười toe toét,... .* - HS nói câu và viết câu vào vở BT VD*: Mấy bạn nữ rúc rích cười.* *Bọn khỉ cười khanh khách.* - Vận dụng từ ngữ vào đặt câu - Tìm thêm các từ ngữ cùng chủ điểm

ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG

.....

.....

.....

TOÁN

Tiết 168: ÔN TẬP VỀ HÌNH HỌC (tt)

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức

- Tiếp tục ôn tập kiến thức về một số hình đã học

2. Kĩ năng

- Nhận biết được hai đường thẳng song song, hai đường thẳng vuông góc.

- Tính được diện tích hình bình hành.

3**. Thái độ**

- HS tích cực, cẩn thận khi làm bài

4. Góp phần phát huy các năng lực

- Năng lực tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL tư duy - lập luận logic.

* BT cần làm: Bài 1, bài 2, bài 4 (chỉ yêu cầu tính diện tích của hình bình hành). Khuyến khích HSNK hoàn thành tất cả các bài tập

II. CHUẨN BỊ:

1. Đồ dùng

- GV: Bảng phụ
- HS: Sách, bút

2. Phương pháp, kĩ thuật

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm, luyện tập – thực hành
- Kĩ thuật: đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

<table>
<tr><th>Hoạt động của GV</th><th>Hoạt động của HS</th></tr>
<tr><td>1. Khởi động (3p)

- GV giới thiệu, dẫn vào bài mới</td><td>- TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ</td></tr>
<tr><td colspan="2">2. HĐ thực hành (35p)
* Mục tiêu:
- Nhận biết được hai đường thẳng song song, hai đường thẳng vuông góc.
- Tính được diện tích hình bình hành.
* Cách tiến hành:</td></tr>
<tr><td>Bài 1:
- YC HS đọc đề bài, GV vẽ hình lên bảng, y/c hs quan sát sau đó đặt câu hỏi cho HS trả lời:
+ Đoạn thẳng nào song song với đoạn thẳng AB
+ Đoạn thẳng nào vuông góc với đoạn thẳng BC?
* Lưu ý: Giúp đỡ hs M1+M2 nhận biết được đoạn thẳng song song, vuông góc
Bài 2:

- Nhận xét, chốt KQ đúng, khen ngợi/ động viên.

* Lưu ý: Giúp đỡ hs M1+M2 tính được diện tích hình vuông hay hình chữ nhật</td><td>Cá nhân – Lớp
- HS đọc tên đường gấp khúc ABCDE
<u>Đáp án:</u>

+ Đoạn thẳng DE song song với đoạn thẳng AB
+ Đoạn thẳng CD vuông góc với đoạn thẳng BC.

Cá nhân – Nhóm 2 – Lớp
Bài giải
Diện tích của hình vuông hay cũng chính là diện tích hình chữ nhật là:
8 x 8 = 64(cm)
Chiều dài hình chữ nhật là:
64 : 4 = 16 cm
→chọn đáp án C.</td></tr>
</table>